

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

SỐ GÓC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ VỀ BÁO CHÍ ĐỢT 3 NĂM 2025

(Theo Quyết định công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ lớp Bồi dưỡng Nghiệp vụ về báo chí đợt 3 năm 2025 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 3655-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương trình ĐT, BD: Nghiệp vụ về báo chí.

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: Từ ngày 20/4/2025 đến ngày 15/6/2025.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
1	Tô Huyền Anh	31.10.2002	Hòa Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 004487	NVBC03/2025.01	
2	Nguyễn Trâm Anh	30.12.2004	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	HBT/BD 004488	NVBC03/2025.02	
3	Tô Hoàng Trâm Anh	10.3.2006	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004489	NVBC03/2025.03	
4	Phạm Tú Anh	25.10.2003	Hưng Yên	Nữ	Kinh	HBT/BD 004490	NVBC03/2025.04	
5	Bùi Xuân Quỳnh Anh	27.8.1996	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004491	NVBC03/2025.05	
6	Lê Thị Phương Anh	20.11.1976	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	HBT/BD 004492	NVBC03/2025.06	
7	Nguyễn Mỹ Anh	12.5.2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004493	NVBC03/2025.07	
8	Thái Ngọc Bách	27.12.1979	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004494	NVBC03/2025.08	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
9	Nguyễn Thị Cúc	04.7.1988	Lào Cai	Nữ	Tày	HBT/BD 004495	NVBC03/2025.09	
10	Tạ Tiến Dũng	06.11.1976	Ninh Bình	Nam	Kinh	HBT/BD 004496	NVBC03/2025.10	
11	Đinh Thị Thùy Dương	30.8.2004	Nam Định	Nữ	Kinh	HBT/BD 004497	NVBC03/2025.11	
12	Nguyễn Hải Đường	07.6.1983	Hải Dương	Nữ	Kinh	HBT/BD 004498	NVBC03/2025.12	
13	Nguyễn Thùy Giang	06.12.1993	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	HBT/BD 004499	NVBC03/2025.13	
14	Huỳnh Thị Huỳnh Giao	28.8.1988	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	HBT/BD 004500	NVBC03/2025.14	
15	Lê Thị Hoa	03.10.1978	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	HBT/BD 004501	NVBC03/2025.15	
16	Trần Hùng	21.7.1986	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004502	NVBC03/2025.16	
17	Bùi Mạnh Hưng	08.11.1981	Hà Nam	Nam	Kinh	HBT/BD 004503	NVBC03/2025.17	
18	Dương Lan Hương	10.4.1997	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	HBT/BD 004504	NVBC03/2025.18	
19	Nguyễn Liên Hương	19.02.1988	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004505	NVBC03/2025.19	
20	Nguyễn Thị Hương	16.9.1981	Hưng Yên	Nữ	Kinh	HBT/BD 004506	NVBC03/2025.20	
21	Đỗ Thị Hương	01.11.1992	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004507	NVBC03/2025.21	
22	Nguyễn Thị Huyền	10.10.1994	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	HBT/BD 004508	NVBC03/2025.22	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
23	Trần Quang Khang	14.9.2001	Ninh Bình	Nam	Kinh	HBT/BD 004509	NVBC03/2025.23	
24	Nguyễn Thị Lan	17.11.1986	Hà Giang	Nữ	Kinh	HBT/BD 004510	NVBC03/2025.24	
25	Nguyễn Thị Lỗn	28.3.1988	Hải Dương	Nữ	Kinh	HBT/BD 004511	NVBC03/2025.25	
26	Quản Tuấn Long	24.3.1974	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004512	NVBC03/2025.26	
27	Hoàng Phước Muội	17.6.1992	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nam	Kinh	HBT/BD 004513	NVBC03/2025.27	
28	Nguyễn Thị Huyền My	07.9.2004	Hải Phòng	Nữ	Kinh	HBT/BD 004514	NVBC03/2025.28	
29	Nguyễn Thị Trà My	20.11.2005	Hải Phòng	Nữ	Kinh	HBT/BD 004515	NVBC03/2025.29	
30	Lộc Ngọc Nam	15.7.2000	Thái Nguyên	Nam	Nùng	HBT/BD 004516	NVBC03/2025.30	
31	Nguyễn Thị Thúy Nga	05.5.1984	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004517	NVBC03/2025.31	
32	Phạm Tuyết Ngân	21.6.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004518	NVBC03/2025.32	
33	Phạm Mai Nguyên	31.01.2001	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	HBT/BD 004519	NVBC03/2025.33	
34	Lê Thị Hồng Nhung	23.8.1989	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004520	NVBC03/2025.34	
35	Nguyễn Thế Quân	10.6.1985	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004521	NVBC03/2025.35	
36	Phạm Thị Ngọc Quỳnh	25.02.1998	Hải Dương	Nữ	Kinh	HBT/BD 004522	NVBC03/2025.36	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
37	Nguyễn Đình Sơn	05.10.1982	Quảng Ninh	Nam	Kinh	HBT/BD 004523	NVBC03/2025.37	
38	Bùi Tuấn Thành	07.11.1997	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004524	NVBC03/2025.38	
39	Nguyễn Phương Thảo	11.6.2001	Sơn La	Nữ	Kinh	HBT/BD 004525	NVBC03/2025.39	
40	Lương Thị Kiều Thảo	18.3.1976	Kiên Giang	Nữ	Kinh	HBT/BD 004526	NVBC03/2025.40	
41	Nguyễn Hồng Minh Thu	20.4.2004	Đồng Nai	Nữ	Kinh	HBT/BD 004527	NVBC03/2025.41	
42	Lê Thị Thanh Thu	07.9.2005	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004528	NVBC03/2025.42	
43	Đặng Ngọc Tiến	18.02.1979	Hải Dương	Nam	Kinh	HBT/BD 004529	NVBC03/2025.43	
44	Lê Văn Tiến	22.6.1976	Thanh Hóa	Nam	Kinh	HBT/BD 004530	NVBC03/2025.44	
45	Lê Hữu Toàn	04.12.1990	Thanh Hóa	Nam	Kinh	HBT/BD 004531	NVBC03/2025.45	
46	Trịnh Huyền Trang	03.3.1988	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004532	NVBC03/2025.46	
47	Lê Minh Trí	24.7.1975	Nam Định	Nam	Kinh	HBT/BD 004533	NVBC03/2025.47	
48	Nguyễn Tài Trí	11.10.1978	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004534	NVBC03/2025.48	
49	Trần Văn Trịnh	27.5.1976	Hà Nam	Nam	Kinh	HBT/BD 004535	NVBC03/2025.49	
50	Lê Xuân Trường	29.4.2002	Thanh Hóa	Nam	Kinh	HBT/BD 004536	NVBC03/2025.50	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
51	Phạm Biện Ngọc Tuấn	11.4.1999	Phú Yên	Nam	Kinh	HBT/BD 004537	NVBC03/2025.51	
52	Nguyễn Mạnh Tuấn	24.01.1983	Bắc Giang	Nam	Kinh	HBT/BD 004538	NVBC03/2025.52	
53	Bạch Ngọc Hải Yến	30.5.1980	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	HBT/BD 004539	NVBC03/2025.53	

Tổng số: 53 chứng chỉ.

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2025

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trường Giang